CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở Cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã bốn lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05 tháng 02 năm 2010.

Công ty đã đăng ký niêm yết giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Công ty có 2 Công ty con và 3 đơn vị trực thuộc:

Các Công ty con

- Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên Dùng
- Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông

Các đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP.Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP.Hồ Chí Minh - Xí nghiệp Thiết bị trường học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành Phố Hồ Chí Minh (Tại Khu Công Nghiệp Sóng Thần 3- Bình Dương).

Vốn điều lệ: *56.655.300.000 đồng.*

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.8554 645 - 08.8553 118
- Fax: (84) 08.8564 307

Ngành nghề kinh doanh chính

- Mua bán sách giáo khoa; In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường, nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em, thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm máy vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 267 người. Trong đó, nhân viên quản lý 26 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Từ Văn Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 24/03/2012
• Ông Lê Kế Đức	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 24/03/2012
• Ông Xà Triệu Hoàng	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 24/03/2012
• Ông Ngô Trần Vinh	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 24/03/2012
• Ông Trần Văn Hưng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24/03/2012
• Ông Huỳnh Bá Vân	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009 Miễn nhiệm ngày 24/03/2012

Ban Kiểm soát

• Ông Trần Lê Quang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24/03/2012
• Ông Đỗ Thành Lâm	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009 Miễn nhiệm ngày 24/03/2012
• Bà Phạm Nhật Quyên	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 24/03/2012
• Bà Nguyễn Thị Nhớ	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24/03/2012
• Bà Trần Thị Quỳnh Châu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 13/04/2009 Miễn nhiệm ngày 24/03/2012

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Từ Văn Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009
• Ông Lê Kế Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009
• Ông Ngô Trần Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009
• Ông Phan Xuân Hiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009
• Ông Trần Văn Hưng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Từ Văn Sơn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2012

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL
Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 1230/BCKT-AAC *Đà Nẵng, ngày 13 tháng 8 năm 2012*

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông**
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012 được lập ngày 31/7/2012 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 28. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2012, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.

Phan Xuân Vận
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số Đ.0102/KTV

Lê Vĩnh Hà
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 1216/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**79.682.050.397**	**69.990.459.564**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**1.543.127.933**	**11.884.610.733**
1. Tiền	111	5	1.543.127.933	11.884.610.733
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	**400.000.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	-	400.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**27.326.930.037**	**25.572.951.634**
1. Phải thu khách hàng	131		22.037.387.287	25.111.724.843
2. Trả trước cho người bán	132		5.145.048.588	343.258.007
3. Các khoản phải thu khác	135	7	466.082.743	437.158.646
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(321.588.581)	(319.189.862)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**49.548.841.423**	**31.724.415.721**
1. Hàng tồn kho	141	9	49.715.640.061	32.049.128.365
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(166.798.638)	(324.712.644)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.263.151.004**	**408.481.476**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	521.544.718	367.481.476
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		406.833.409	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	334.772.877	41.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**45.568.023.966**	**44.759.186.655**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**25.952.509.869**	**25.627.520.821**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	23.495.345.717	23.742.622.835
- Nguyên giá	222		32.466.870.264	32.788.446.020
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.971.524.547)	(9.045.823.185)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		167.790.500	167.790.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(167.790.500)	(167.790.500)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	2.457.164.152	1.884.897.986
III. Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**6.353.000.000**	**5.123.000.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251	15	5.760.000.000	4.530.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	16	593.000.000	593.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**13.262.514.097**	**14.008.665.834**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	13.252.514.097	14.008.665.834
2. Tài sản dài hạn khác	268	18	10.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**125.250.074.363**	**114.749.646.219**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**39.256.869.883**	**25.764.068.938**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**39.030.598.498**	**25.517.854.709**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	19.401.975.000	3.567.000.000
2. Phải trả người bán	312		13.494.986.514	11.573.069.015
3. Người mua trả tiền trước	313		216.114.466	425.087.112
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	370.791.886	987.138.329
5. Phải trả người lao động	315		2.697.780.323	4.837.811.661
6. Chi phí phải trả	316	21	460.375.374	977.870.168
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22	1.968.023.727	2.047.346.003
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		420.551.208	1.102.532.421
II. Nợ dài hạn	**330**		**226.271.385**	**246.214.229**
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		217.180.476	218.050.593
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		9.090.909	28.163.636
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**85.993.204.480**	**88.985.577.281**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**85.993.204.480**	**88.985.577.281**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	56.655.300.000	56.655.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.325.320.000	12.325.320.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	23	2.336.451.212	2.336.451.212
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3.275.267.777)	(3.275.267.777)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.476.212	1.584.205
6. Quỹ đầu tư phát triển	417	23	11.570.861.737	11.570.861.737
7. Quỹ dự phòng tài chính	418	23	1.874.518.505	1.874.518.505
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	23	4.504.544.591	7.496.809.399
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**125.250.074.363**	**114.749.646.219**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	30/06/2012	31/12/2011
Ngoại tệ (USD)	723,52	68.525,66

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập
Từ Văn Sơn	Trần Văn Hưng	Huỳnh Thị Bích Hạnh

TP Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
1.	Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	24	91.488.027.185	82.253.682.569
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	593.273.603	415.850.158
3.	Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	24	90.894.753.582	81.837.832.411
4.	Giá vốn hàng bán	11	25	72.323.536.977	67.128.549.247
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ**	**20**		**18.571.216.605**	**14.709.283.164**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.003.355.817	321.806.535
7.	Chi phí tài chính	22	27	1.643.667.331	863.561.812
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*907.945.853*	*632.260.953*
8.	Chi phí bán hàng	24		5.715.992.014	5.334.132.631
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.786.188.804	5.817.673.947
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**4.428.724.273**	**3.015.721.309**
11.	Thu nhập khác	31	28	316.485.182	85.666.185
12.	Chi phí khác	32	29	268.634.312	145.744.560
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**47.850.870**	**(60.078.375)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**	**30**	**4.476.575.143**	**2.955.642.934**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	473.500.951	364.404.888
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**	**30**	**4.003.074.192**	**2.591.238.046**
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	744	482

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập
Từ Văn Sơn	Trần Văn Hưng	Huỳnh Thị Bích Hạnh

TP Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
1.	Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	96.756.903.423	91.328.401.625
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(98.099.555.626)	(80.004.590.357)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.736.391.237)	(9.158.427.263)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	(907.945.853)	(632.260.953)
5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(590.189.510)	(1.351.533.616)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	762.781.345	1.237.191.400
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.146.852.886)	(4.451.190.044)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(17.961.250.344)**	**(3.032.409.208)**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1.	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.158.477.483)	(2.286.015.888)
2.	Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	18.610.000	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.000.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	1.400.000.000	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.230.000.000)	-
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	582.702.020	422.493.230
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(1.387.165.463)**	**(1.863.522.658)**
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
1.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	51.123.613.820	10.324.226.789
2.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(35.288.638.820)	(3.288.656.867)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.828.042.000)	(6.667.406.068)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**9.006.933.000**	**368.163.854**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(10.341.482.807)**	**(4.527.768.012)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	11.884.610.733	9.740.082.967
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	7	37.706.863
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**1.543.127.933**	**5.250.021.818**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập
Từ Văn Sơn	**Trần Văn Hưng**	**Huỳnh Thị Bích Hạnh**

TP Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở Cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã bốn lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05 tháng 02 năm 2010.

Công ty đã niêm yết giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Mua bán sách giáo khoa; In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường, nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em, thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm máy vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan và hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu kỳ sau ghi bút toán ngược lại để tất toán số dư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư được lập cho các khoản vốn Công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác nếu các tổ chức này bị lỗ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 7
Phương tiện truyền tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.7 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất lâu dài và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp đất đi thuê).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Phân phối lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông

4.11 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà công ty đang thực hiện

- Thuế Giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo bổ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
  - Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với phần thu nhập của doanh nghiệp có được trong lĩnh vực xã hội hóa (Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học). Ưu đãi trên được thực hiện theo công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh.
  - Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25% đối với các hoạt động khác.

    Công ty được hưởng chế độ ưu đãi đối với các tổ chức có đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Công văn số 5248/TC – CST ngày 29/04/2005 của Bộ Tài Chính. Theo đó, công ty được giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm (Năm 2011 - 2012).
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gởi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

5. Tiền

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	472.005.656	237.057.111
Tiền gởi ngân hàng	1.071.122.277	11.647.553.622
Cộng	**1.543.127.933**	**11.884.610.733**

6. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Cho vay ngắn hạn (Công ty TNHH MTV In Chuyên dùng)	-	400.000.000
Cộng	**-**	**400.000.000**

7. Các khoản phải thu khác

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Nhà Xuất bản giáo dục Việt Nam	437.158.646	437.158.646
Phải thu khác	28.924.097	-
Cộng	**466.082.743**	**437.158.646**

8. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu trên 3 năm	174.933.100	151.677.100
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	36.146.755
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	146.655.481	131.366.007
Cộng	**321.588.581**	**319.189.862**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Hàng tồn kho

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.780.428.019	7.231.991.843
Công cụ, dụng cụ	118.692.200	66.860.375
Chi phí SX, KD dở dang	1.844.730.628	1.566.445.687
Thành phẩm	14.363.390.529	7.707.601.375
Hàng hóa	24.608.398.685	15.476.229.085
Cộng	**49.715.640.061**	**32.049.128.365**

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	243.831.185	103.329.359
Chi phí sửa chữa phân bổ ngắn hạn	277.713.533	254.552.117
Chi phí trả trước khác	-	9.600.000
Cộng	**521.544.718**	**367.481.476**

11. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Tạm ứng	141.529.581	41.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	193.243.296	-
Cộng	**334.772.877**	**41.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	25.508.402.714	4.290.215.540	2.342.526.376	647.301.390	32.788.446.020
Mua sắm trong kỳ		482.337.000	-	-	482.337.000
T/lý, nhượng bán			737.015.638	66.897.118	803.912.756
Số cuối kỳ	**25.508.402.714**	**4.772.552.540**	**1.605.510.738**	**580.404.272**	**32.466.870.264**
Khấu hao					
Số đầu năm	4.806.717.578	2.056.210.837	1.649.759.864	533.134.906	9.045.823.185
Khấu hao trong kỳ	335.531.580	280.939.108	89.314.698	21.480.011	727.265.397
T/lý, nhượng bán			737.015.638	64.548.397	801.564.035
Số cuối kỳ	**5.142.249.158**	**2.337.149.945**	**1.002.058.924**	**490.066.520**	**8.971.524.547**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	20.701.685.136	2.234.004.703	692.766.512	114.166.484	23.742.622.835
Số cuối kỳ	**20.366.153.556**	**2.435.402.595**	**603.451.814**	**90.337.752**	**23.495.345.717**

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2012 là 1.643.321.586 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định cầm cố để đảm bảo nợ vay là 3.437.374.363 đồng.

13. Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán với nguyên giá: 167.790.500 đồng và đã khấu hao hết.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Cải tạo nhà 223 Nguyễn Tri Phương	2.361.709.608	1.884.897.986
Cải tạo nhà xưởng tại KCN Tân Tạo	95.454.544	-
Cộng	**2.457.164.152**	**1.884.897.986**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Đầu tư vào công ty con

		30/06/2012		31/12/2011	
		Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Công ty TNHH MTV In Chuyên Dùng (100% VĐL)	(a)	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Công ty CP Giáo dục An Đông (51% VĐL)	(b)	276.000	2.760.000.000	153.000	1.530.000.000
Cộng			**5.760.000.000**		**4.530.000.000**

(a) Đây là khoản vốn góp thành lập Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên Dùng. Vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên Dùng là 3.000.000.000 đồng.

(b) Đây là khoản là khoản vốn góp thành lập Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông. Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 24/12/2011 của Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông, vốn điều lệ được tăng từ 3 tỷ lên 6 tỷ. Theo đó, cổ đông hiện hữu được quyền mua thêm cổ phần theo tỷ lệ 1:1. Đến thời điểm 30/06/2012, Công ty mới mua thêm 123.000 cổ phần trong tổng số 153.000 cổ phần đã đăng ký, chiếm tỷ lệ 52,8% trong tổng số vốn góp của chủ sở hữu thực góp (5.230.000.000 đồng) tại Công ty CP Giáo dục An Đông.

Báo cáo tài chính của 02 Công ty con có lãi, vốn chủ sở hữu bảo toàn nên Công ty không trích dự phòng đối với các khoản đầu tư này.

16. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2012		31/12/2011	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Công ty CP sách Giáo dục Tây Ninh	1.000	103.000.000	1.000	103.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất Bản Gia Định	49.000	490.000.000	49.000	490.000.000
Cộng		**593.000.000**		**593.000.000**

Cho đến thời điểm này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 của các đơn vị mà Công ty đã đầu tư vốn cũng như các quyết định chia cổ tức chính thức của 6 tháng đầu năm 2012 cho các khoản vốn đã đầu tư. Do các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm cuối kỳ. Ban Tổng giám đốc Công ty cũng đánh giá rằng giá trị ghi nhận các khoản đầu tư này là hợp lý. Do đó, giá trị của các cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Chi phí trả trước dài hạn

		30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		463.853.469	460.781.836
Sửa chữa nhà xưởng Tân tạo		-	40.022.895
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương		2.005.600.776	2.525.200.207
Sửa chữa, cải tạo Cửa hàng 122 Phan Văn Trị		422.223.729	517.053.815
Sửa chữa nhà xưởng Bình Dương		19.754.801	27.162.851
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần	(a)	8.429.449.359	8.524.162.275
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Tân tạo	(b)	1.887.618.629	1.911.922.733
Chi phí khác		24.013.334	2.359.222
Cộng		**13.252.514.097**	**14.008.665.834**

(a): Thuê 20.600 m^2 đất ở KCN Sóng Thần Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055.

(b): Thuê 2.575 m^2 đất ở KCN Tân Tạo Thành Phố HCM với thời hạn thuê từ ngày 20/03/2001 đến 31/12/2047.

18. Tài sản dài hạn khác

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	10.000.000	-
Cộng	**10.000.000**	**-**

19. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	19.401.975.000	3.567.000.000
- Ngân hàng Ngoại thương Tp Hồ Chí Minh	*1.949.975.000*	-
- Vay cán bộ công nhân viên	*17.452.000.000*	*3.567.000.000*
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	**19.401.975.000**	**3.567.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	341.007.710
Thuế thu nhập doanh nghiệp	342.787.528	459.476.087
Thuế thu nhập cá nhân	28.004.358	186.654.532
Cộng	**370.791.886**	**987.138.329**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

21. Chi phí phải trả

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Trích trước chi phí chiết khấu thanh toán nhanh	32.622.173	187.453.113
Trích trước chi phí hoa hồng môi giới	427.753.201	790.417.055
Cộng	**460.375.374**	**977.870.168**

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	226.124.834	-
Kinh phí công đoàn	241.899.197	319.546.439
Bảo hiểm xã hội	8.066.323	-
Phải trả về cổ phần hoá	723.771.000	723.771.000
Cổ tức phải trả	478.069.932	310.772.932
Các khoản phải trả, phải nộp khác	290.092.441	693.255.632
- Thù lao hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	*80.198.990*	*345.100.000*
- Thuế thu nhập cá nhân tạm thu	*15.597.037*	*119.823.460*
- Phải trả khác	*194.296.414*	*228.332.172*
Cộng	**1.968.023.727**	**2.047.346.003**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2011	**56.655.300.000**	**1.837.648.707**	**10.610.416.535**	**1.375.716.000**	**14.771.820**
Tăng trong năm	-	498.802.505	960.445.202	498.802.505	10.936.495.307
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.454.457.728
Số dư tại 31/12/2011	**56.655.300.000**	**2.336.451.212**	**11.570.861.737**	**1.874.518.505**	**7.496.809.399**
Số dư tại 01/01/2012	**56.655.300.000**	**2.336.451.212**	**11.570.861.737**	**1.874.518.505**	**7.496.809.399**
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	4.003.074.192
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	6.995.339.000
Số dư tại 30/06/2012	**56.655.300.000**	**2.336.451.212**	**11.570.861.737**	**1.874.518.505**	**4.504.544.591**

Vốn khác của chủ sở hữu là Quỹ dự trữ trích lập theo điều lệ Công ty.

b. Cổ phiếu

	30/06/2012 Cổ phiếu	31/12/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	*5.665.530*	*5.665.530*
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu quỹ	284.500	284.500
- Cổ phiếu thường	*284.500*	*284.500*
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.381.030	5.381.030
- Cổ phiếu thường	*5.381.030*	*5.381.030*
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	7.496.809.399	14.771.820
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.003.074.192	10.936.495.307
Phân phối lợi nhuận (*)	6.995.339.000	3.454.457.728
- Thuế TNDN được miễn giảm bổ sung quỹ đầu tư phát triển	-	*960.445.202*
- Trích quỹ dự phòng tài chính	-	*498.802.505*
- Trích quỹ dự trữ	-	*498.802.505*
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	*997.605.011*
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	*498.802.505*
- Chia cổ tức	*6.995.339.000*	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	**4.504.544.591**	**7.496.809.399**

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 24/03/2012.

24. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Tổng doanh thu	91.488.027.185	82.253.682.569
+ Doanh thu bán sách và sản phẩm in	*55.450.919.416*	*50.113.511.425*
+ Doanh thu thiết bị giáo dục	*35.715.203.227*	*31.854.189.323*
+ Doanh thu khác	*321.904.542*	*285.981.821*
Các khoản giảm trừ doanh thu	593.273.603	415.850.158
+ Hàng bán bị trả lại	*593.273.603*	*415.850.158*
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**90.894.753.582**	**81.837.832.411**

25. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Giá vốn sách và sản phẩm in	47.604.360.692	42.977.635.085
Giá vốn thiết bị giáo dục	24.792.503.401	23.622.755.863
Giá vốn khác	84.586.890	106.723.666
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(157.914.006)	421.434.633
Cộng	**72.323.536.977**	**67.128.549.247**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	408.993.769	293.611.010
Cổ tức, lợi nhuận được chia	173.708.251	21.808.000
Chiết khấu thanh toán nhanh nhận được	420.653.797	6.387.525
Cộng	**1.003.355.817**	**321.806.535**

27. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Lãi tiền vay	907.945.853	632.260.953
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	735.721.478	231.300.859
Cộng	**1.643.667.331**	**863.561.812**

28. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Bán thanh lý tài sản cố định	162.486.364	-
Xử ký chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	38.859.621	260.312
Bán thanh lý vật tư, phế liệu	11.334.999	65.567.544
Thu nhập khác	103.804.198	19.838.329
Cộng	**316.485.182**	**85.666.185**

29. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Chi phí thanh lý TSCĐ	2.348.721	-
Xuất vật tư, hàng kém chất lượng thanh lý	258.910.785	145.723.239
Xử ký chênh lệch hàng thiếu qua kiểm kê	7.034.054	-
Chi phí khác	340.752	21.321
Cộng	**268.634.312**	**145.744.560**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

30. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế TNDN

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**4.476.575.143**	**2.955.642.934**
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	*1.441.438.468*	*2.033.360.841*
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	*2.852.801.733*	*814.807.908*
- Hoạt động khác không được ưu đãi	*182.334.942*	*107.474.185*
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(126.633.883)	36.891.570
Điều chỉnh tăng	47.074.368	58.699.570
- Chi phí không hợp lệ	*47.074.368*	*58.699.570*
- Chi phí phạt chậm nộp thuế	-	-
Điều chỉnh giảm	173.708.251	21.808.000
Cổ tức lợi nhuận được chia	*173.708.251*	*21.808.000*
Tổng thu nhập chịu thuế	**4.349.941.260**	**2.992.534.504**
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	*1.488.512.836*	*2.092.060.411*
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	*2.852.801.733*	*814.807.908*
- Hoạt động khác không được ưu đãi	*8.626.691*	*85.666.185*
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng	659.565.055	625.912.440
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi (25%)	*372.128.209*	*523.015.103*
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa (10%)	*285.280.173*	*81.480.791*
- Hoạt động khác không được ưu đãi (25%)	*2.156.673*	*21.416.546*
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (50%)	186.064.105	261.507.551
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**473.500.951**	**364.404.888**
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**4.003.074.192**	**2.591.238.046**

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.003.074.192	2.591.238.046
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	4.003.074.192	2.591.238.046
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.381.030	5.381.030
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**744**	**482**

32. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và nợ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	30/06/2012 USD	31/12/2011 USD
Tài sản tài chính	723,52	68.525,66
Nợ phải trả tài chính	27.860,00	

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong tập đoàn Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau

	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	19.401.975.000	-	19.401.975.000
Phải trả người bán	13.494.986.514	-	13.494.986.514
Chi phí phải trả	460.375.374	-	460.375.374
Phải trả khác	1.726.124.530	-	1.726.124.530
Cộng	**35.083.461.418**	**-**	**35.083.461.418**

31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	3.567.000.000	-	3.567.000.000
Phải trả người bán	11.573.069.015	-	11.573.069.015
Chi phí phải trả	977.870.168	-	977.870.168
Phải trả khác	1.727.799.564	-	1.727.799.564
Cộng	**17.845.738.747**	**-**	**17.845.738.747**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức cao. Tuy nhiên, với đặc thù của kinh doanh sách và thiết bị trường học thì doanh thu tập trung trong quý 3, do đó Công ty tin tưởng rằng có thể tạo đủ nguồn lực để thanh toán nợ đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau

30/06/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	1.543.127.933	-	1.543.127.933
Phải thu khách hàng	21.715.798.706	-	21.715.798.706
Đầu tư tài chính	-	593.000.000	593.000.000
Phải thu khác	466.082.743	-	466.082.743
Tài sản tài chính khác	-	10.000.000	10.000.000
Cộng	**23.725.009.382**	**603.000.000**	**24.328.009.382**

31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	11.884.610.733	-	11.884.610.733
Phải thu khách hàng	24.792.534.981	-	24.792.534.981
Đầu tư tài chính	400.000.000	593.000.000	993.000.000
Phải thu khác	437.158.646	-	437.158.646
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Cộng	**37.514.304.360**	**593.000.000**	**38.107.304.360**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.143.168.929	22.477.915.667
Chi phí nhân công	8.150.138.854	5.523.175.137
Chi phí khấu hao tài sản cố định	727.265.397	542.303.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.884.285.309	5.493.988.433
Chi phí khác bằng tiền	2.711.708.706	2.856.449.174
Cộng	**36.616.567.195**	**36.893.831.638**

34. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 20/03/2012 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của năm 2011 là 13%/vốn điều lệ. Theo đó, Công ty đã thông báo chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức tại ngày 02/3/2012 và thực hiện chi trả cổ tức từ 10/4/2012

35. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà xuất bản giáo dục tại TPHCM	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục Thành Phố HCM	Chung nhà đầu tư
Công ty Cổ phần Học Liệu	Chung nhà đầu tư
Công ty Thiết bị Giáo dục 2	Chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung nhà đầu tư
Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	Công ty con
Công ty CP Giáo dục An Đông	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Bán hàng			
Công ty CP Sách Thiết bị GD Miền Nam	Sách GK, thiết bị, băng đĩa	740.412.703	402.172.401
Công ty CP Sách GD Thành Phố HCM	Mua sách, thiết bị	501.062.881	-
Công ty Cổ phần Học Liệu	Mua thiết bị	-	16.297.887
Công ty Thiết bị Giáo dục 2	Mua thiết bị	284.252.684	653.143
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Phương Nam	Mua sách, thiết bị, đĩa	1.204.246.842	33.886.201
Công ty CP Giáo dục An Đông	Mua sách, thiết bị	4.958.986.536	65.701.128
Mua hàng			
Nhà xuất bản giáo dục tại TPHCM	Phí quản lý xuất bản	3.250.000	203.734.000
Công ty CP Sách Thiết bị GD Miền Nam	Cung ứng sách giáo khoa	34.886.022.945	29.069.809.778
Công ty CP Sách GD Thành Phố HCM	Cung ứng sách tham khảo	450.153.789	313.696.526
Công ty Cổ phần Học Liệu	Cung ứng băng đĩa giáo dục	65.938.000	58.440.000
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Phương Nam	Cung ứng sách tham khảo, văn hoá phẩm	16.186.123.939	14.857.468.895
Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	Cung ứng in ấn, bao thư	1.871.259.637	1.742.722.144
Thu lãi cho vay vốn và thu phí quản lý			
Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	Thu tiền cho vay	400.000.000	-
Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	Cổ tức được chia	124.708.251	-
Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	Lãi cho vay	15.000.000	30.000.000
Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	Thu phí quản lý cấp trên	125.000.000	110.000.000

c. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu			
Công ty CP Giáo dục An Đông	Phải thu khách hàng	3.718.264.469	246.822.495
Công ty Thiết bị Giáo dục 2	Phải thu khách hàng	351.618.812	-
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Phải thu khách hàng	4.515.985.098	77.675.107
Công ty CP Sách Giáo dục Thành Phố HCM	Phải thu khách hàng	15.961.454	-
Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	Phí quản lý	25.000.000	-
Phải trả			
Công ty Cổ phần Học Liệu	Phải trả người bán	48.450.329	131.694.329
Công ty CP ĐT và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Phải trả người bán	3.291.930.227	313.039.243
Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	Phải trả người bán	861.180.000	128.825.142
Công ty Thiết bị Giáo dục 2	Phải trả người bán	-	376.190.662
Công ty CP Sách Giáo dục Thành phố HCM	Phải trả người bán	-	232.335.251
Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	Nợ gốc vay	-	400.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

36. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 30/06/2012, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 132/HĐ-TLĐ/KD-01 ngày 20/03/2001 về việc thuê 2.575 m2 đất ở KCN Tân Tạo, Tp. Hồ Chí Minh với thời hạn thuê từ ngày 20/03/2001 đến 31/12/2047;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 9241/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 08/12/2005 với Sở Tài nguyên và môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m2 đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.600 m2 đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và môi trường Tp.HCM về việc thuê 1.649 m2 đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 21/08/2009 với Sở địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m2 đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và môi trường Tp.HCM về việc thuê 1.423 m2 đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

38. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập
Từ Văn Sơn	Trần Văn Hưng	Huỳnh Thị Bích Hạnh

TP Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2012